

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 17 tháng 8 năm 2022  
“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia  
đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Bình Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Bùi Thị Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên  
Lạc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà:** Bà  
Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh  
Vĩnh phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ  
ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa  
các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1984, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984, (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 07/3/2022 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên  
tòa nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:*

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L vào ngày 08/11/2003. Trước khi cưới có  
được tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. huyện Y, tỉnh  
V. Sau ngày cưới chị về làm dâu ngay và ở chung với gia đình chồng. Tình cảm vợ  
chồng ban đầu bình thường đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính  
là do không hợp nhau về cách tính toán làm ăn kinh tế trong gia đình cũng như cách  
 cư xử trong cuộc sống dẫn đến căng thẳng và sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay.  
Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày  
26/10/2004, cháu Phạm Hoàng G sinh ngày 26/9/2006 và cháu Phạm Xuân T, sinh

ngày 20/10/2011. Hiện cháu H đã đi làm ăn và ở chỗ khác còn cháu G và cháu T đang ở với chị L. Ly hôn anh xin nuôi cháu H để chị Lan nuôi cháu G và cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2022 chị trình bày:*

Chị có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng chị không đến Tòa vì lý do chị bận công việc.

Chị xác nhận điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như anh Q trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến sút mẻ tình cảm và sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị muốn để con chị trưởng thành hết xong mới ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2004, cháu Phạm Hoàng G sinh ngày 26/9/2006 và cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 20/10/2011. Hiện cháu H đi làm ăn và ở chỗ khác còn cháu G và cháu T đang ở với chị L. Ly hôn chị xin nuôi cháu G và cháu T, để anh Q nuôi cháu H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, đất canh tác: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Phạm Thị Thu H thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Phạm Hoàng G và cháu Phạm Xuân T thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q, cho anh Phạm Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Q được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2004, chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Hoàng G sinh ngày 26/9/2006 và cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 20/10/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí, anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Q nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị L. Bị đơn chị L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T, xã T, huyện Y. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 08/11/2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh V đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân dài anh chị không giàn xếp đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho chị L đến tòa để hòa giải nhưng chị L cũng không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Q xử cho anh chị ly hôn để các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

[3] Về con chung: Anh Q và chị L xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2004, cháu Phạm Hoàng G sinh ngày 26/9/2006 và cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 20/10/2011. Ly hôn anh Q và chị L đều đề nghị để anh Q nuôi cháu H, chị L nuôi cháu G và cháu T. Xét yêu cầu xin nuôi con của anh chị thấy, về chỗ ở anh chị đều có chỗ ở (chị ở tại nhà của bố mẹ đẻ), về thu nhập anh chị có nguồn thu nhập từ nghề lao động tự do. Như vậy về điều kiện nuôi con cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Xét nguyện vọng của các cháu thấy cháu H có mong muốn ở với bố, cháu G và cháu T có mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của anh chị, giao cho anh Q nuôi cháu H, giao cho chị L nuôi cháu G và cháu T là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, cả hai anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đất canh tác: Anh Q, chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Q được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2004; chị Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Hoàng G sinh ngày 26/9/2006 và cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 20/10/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001201 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Hồng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bình Thuận**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THAD huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Hồng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bình Thuận**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Liên Châu (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bình Thuận**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



